

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đào Thị Đ, sinh năm 1980; thường trú: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; tạm trú: số A đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1979; thường trú: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; tạm trú: số A đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Đ trình bày:

Bà Đào Thị Đ và ông Nguyễn Tiến T tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01 ngày 24/3/2010. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày

13/10/2012. Bà Đ yêu cầu sau khi ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Tiến T trình bày:

Ông Trịnh thông n với lời trình bày của bà Đ về việc chung sống, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/10/2012. Ông đồng ý sau ly hôn 02 con chung sẽ do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Trịnh k yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Đào Thị Đ và bị đơn ông Nguyễn Tiến T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đào Thị Đ và ông Nguyễn Tiến T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 24/3/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Đào Thị Đ và ông Nguyễn Tiến T đều xác định sau một thời gian chung sống, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông, bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/10/2012. Bà Đ yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng 4.000.000

đồng/tháng/02 cháu; thời hạn cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông T thống nhất và đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà Đ và ông T, đồng thời phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Đ và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đào Thị Đ phải chịu án phí ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Đ về việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Tiến T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đào Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Tiến T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 do UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/3/2010).

- Về con chung: ông Nguyễn Tiến T có trách nhiệm giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 13/10/2012 cho bà Đào Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tiến T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Thị Anh T1 mỗi tháng 2.000.0000 (hai triệu) đồng/cháu, tổng cộng mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng/02 cháu. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Thị Anh T1 đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, bà Đào Thị Đ và ông Nguyễn Tiến T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đào Thị Đ phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ hết 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001206 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy